

Bản án số: 21/2024/HNGĐ-ST
Ngày 10 tháng 9 năm 2024
“V/v ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH H

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Đăng Ban và bà Nguyễn Thị Quyên.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hùng-Thẩm tra viên Tòa án, Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh H tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thảo-Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh H xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 53/2024/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2024/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2024/QĐST-DS ngày 23 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị N, sinh năm 1975-Có mặt.

Địa chỉ: thôn M, xã H, huyện A, tỉnh H.

Bị đơn: Anh Mai Thành S, sinh năm 1976-Vắng mặt.

Địa chỉ: thôn K, xã Đ, huyện P, tỉnh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và quá trình điều tra nguyên đơn, bị đơn trình bày:

Chị Phạm Thị N và anh Mai Thành S kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ vào ngày 21/12/2022. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2023 thì mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau về lối sống dẫn đến vợ chồng hay cãi chửi nhau. Đến tháng 12 năm 2023, thì mâu thuẫn trầm trọng nên vợ chồng ly thân nhau, anh S không ở cùng chị N mà về nhà bố mẹ đẻ ở. Hai bên gia đình đã hòa giải nhiều lần nhưng vẫn không có kết quả gì. Do mâu thuẫn trầm trọng nên chị N xác định không còn tình cảm với anh S nữa nên chị N xin ly hôn. Anh S cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên nhất trí ly hôn.

Chị N, anh S đều trình bày vợ chồng không có con chung, không có tài sản chung, không nợ ai và cho ai vay, không có công sức ruộng cấy gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung, tài sản chung, nợ, công sức, ruộng cấy.

Ngoài ra chị N, anh S không còn yêu cầu khởi kiện nào khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tổng đạt thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh S vắng mặt. Tòa án đã tổng đạt giấy triệu tập, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ cho anh S nhưng anh S vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng.

UBND xã Đ, huyện P, tỉnh H cung cấp: Chị N, anh S kết hôn và đăng ký kết hôn ngày 21/12/2022, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2024 thì mâu thuẫn nên vợ chồng ly thân nhau mỗi người một nơi không ai quan tâm đến ai. Anh S đã về thôn Khả Duy, xã Đ ở. Chị N, anh S không có con chung.

Khi Tòa án gửi Giấy triệu tập cho anh S, UBND xã đã tổng đạt mẹ anh S nhận. Hiện tại anh S đăng ký thường trú tại thôn K, xã Đ, huyện P, tỉnh H, anh S có mặt tại địa phương.

Tại phiên tòa: Chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh S.

Chị N trình bày vợ chồng không có con chung, không có tài sản chung, không nợ ai và cho ai vay, không có công sức ruộng cấy gì nên không yên cầu Tòa án giải quyết về con chung, tài sản chung, nợ, công sức, ruộng cấy.

Ngoài ra chị N không còn yêu cầu khởi kiện nào khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tổng đạt giấy triệu tập, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ cho anh S nhưng anh S vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh H phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ trong quá trình giải quyết vụ án.

Bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do. Vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là đúng các quy định của pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện của chị N.

Xử cho chị N ly hôn anh S.

Về con chung: Chị N, anh S không có con chung nên không xem xét.

Về tài sản chung, nợ, công sức, ruộng cấy: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập anh S nhiều lần để lấy lời khai, cung cấp chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng anh S vắng mặt. Anh S đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập đến phiên tòa nhưng anh S vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị N và anh Mai Thành S kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện P, tỉnh H vào ngày 21/12/2022 nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2024 thì mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân do không hợp nhau về tính nết, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng nên vợ chồng ly thân nhau từ đó cho đến nay. Hai bên gia đình đã nhiều lần hòa giải cho hai vợ chồng nhưng vẫn không cải thiện được tình cảm vợ chồng. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N, anh S đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đã sống ly thân nhau lâu vì vậy cần giải quyết cho chị N ly hôn anh S để các bên sớm ổn định cuộc sống.

[3]. Về con chung: Căn cứ lời trình bày của chị N, anh S và cung cấp của UBND xã Đ thì vợ chồng không có con chung nên Hội đồng xét xử không xét.

[4]. Về tài sản chung: Chị N, anh S đều trình bày không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5]. Về nợ chung: Chị N, anh S đều trình bày vợ chồng không nợ ai, không ai nợ vợ chồng và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[6]. Về công sức, ruộng cấy: Chị N, anh S khẳng định không có gì và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[7]. Về án phí: Chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8]. Các vấn đề khác Hội đồng xét xử không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị N ly hôn anh Mai Thành S.

Về con chung: Chị N, anh S không có con chung nên không xét.

Về tài sản chung: Chị N, anh S đều trình bày không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xét.

Về nợ chung: Chị N, anh S đều trình bày vợ chồng không nợ ai, không ai nợ vợ chồng và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

Về công sức, ruộng cấy: Chị N, anh S đều khẳng định không có gì và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

Về án phí: Chị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, đối trừ vào số tiền 300.000 đồng chị N đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000699 ngày 03/6/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh H, chị N đã nộp đủ án phí ly hôn.

Các vấn đề khác Hội đồng xét xử không xét.

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh H;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh H;
- Các đương sự;
- UBND xã, thị trấn;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Văn Tuấn